

# 1. KHẢO NGHIỆM MỘT SỐ GIỐNG LÚA VỤ XUÂN VÀ VỤ MÙA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

**1. Tên dự án:** Khảo nghiệm một số giống lúa vụ xuân và vụ mùa trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**2. Tổ chức chủ trì dự án:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn.

**3. Chủ nhiệm dự án:** KS Tô Chí Hùng, KS Ma Thế Chương.

**4. Mục tiêu của dự án:**

Chọn lọc được giống lúa phù hợp với tỉnh Bắc Kạn. Giúp nông dân nắm được kỹ thuật thâm canh lúa.

**5. Kết quả thực hiện:**

**5.1. Kết quả khảo nghiệm các giống lúa:**

**5.1.1. Kết quả khảo nghiệm năm 1999:**

*a. Kết quả khảo nghiệm ở vụ xuân năm 1999:*

Các giống lúa đưa vào khảo nghiệm gồm: KC90, DH85, NR11, CS4, D116, D150 và giống đối chứng CR203.

*- Thời gian sinh trưởng, phát triển:*

Kết quả nghiên cứu và theo dõi thời gian sinh trưởng của các giống ở các điểm khảo nghiệm cho thấy các giống lúa có thời gian sinh trưởng trung bình 125 đến 136 ngày. Tất cả các giống đều có thời gian sinh trưởng ngắn ngày hơn so với các giống đối chứng từ 3 - 11 ngày.

*- Khả năng chống chịu sâu bệnh:*

Hầu hết các giống đều bị nhiễm bệnh và sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ vào thời kỳ làm đòng nhưng các giống khảo nghiệm bị hại ít hơn so với giống đối chứng như giống CR203.

*- Các yếu tố cấu thành năng suất:*

+ Nhìn chung các giống lúa đưa vào khảo nghiệm đều có số bông/m<sup>2</sup>, số hạt chắc/bông đạt tỷ cao. Tỷ lệ hạt lép thấp.

+ Năng suất của các giống lúa: Đây là một chỉ tiêu mà người sản xuất quan tâm nhiều nhất. Qua kết quả khảo nghiệm các giống lúa đều cho năng suất cao hơn các giống đối chứng từ 2,54 đến 6,54 tạ/ha ở tất cả các địa phương tham gia thực hiện đề tài.

***b. Kết quả khảo nghiệm ở vụ mùa năm 1999:***

Sau khi nghiên cứu lý lịch các giống lúa và sự đóng góp của Hội đồng khoa học công nghệ chuyên ngành của tỉnh. Đề tài đã đưa các giống lúa vào khảo nghiệm vụ mùa gồm: BM9820, BM9855, BM9608, DH85, Xi23, DV108 và lấy giống lúa Bao thai làm đối chứng.

- *Thời gian sinh trưởng, phát triển:*

+ Giai đoạn mạ: Nhìn chung các giống giai đoạn mạ được chăm sóc tốt mạ sinh trưởng mạnh số cây có 1-2 nhánh chiếm trên 60% quần thể điều tra, cây sạch bệnh, dảnh to, khoẻ, cứng cáp.

+ Giai đoạn đẻ nhánh: Kết quả theo dõi cho thấy các giống lúa đưa vào khảo nghiệm đẻ nhánh sớm hơn giống đối chứng từ 3 đến 5 ngày.

+ Giai đoạn sau đẻ nhánh đến chín: Nhìn chung các giống tham gia khảo nghiệm có thời gian sinh trưởng ngắn hơn giống đối chứng từ 26 đến 37 ngày.

- *Khả năng chống chịu sâu bệnh:*

Khác với ở vụ xuân, vụ mùa các giống lúa tham gia khảo nghiệm đều bị nhiễm bệnh và ảnh hưởng bởi sâu đục thân, sâu cuốn lá gây hại ở thời kỳ sinh trưởng, sinh dưỡng nhưng bệnh khô vằn và bệnh đạo ôn không thấy xuất hiện.

- *Yếu tố cấu thành năng suất và năng suất thực thu:*

+ Kết quả theo dõi cho thấy các yếu tố cấu thành năng suất của các giống lúa như số bông/m<sup>2</sup>, số hạt chắc trên bông và tỷ lệ hạt nếp đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

+ Về năng suất giống BM9820 có năng suất cao hơn giống đối chứng 126%, giống DH85 116,7%; BM 9608 là 112,5%. Thời gian sinh trưởng của 02 giống lúa trên ngắn hơn so với giống đối chứng.

**5.1.2. Kết quả khảo nghiệm năm 2000:**

- *Sinh trưởng, phát triển,*

+ Thời gian sinh trưởng, phát triển: Kết quả sản xuất ở vụ xuân cũng như vụ mùa năm 2000 của các giống lúa tham gia khảo nghiệm trùng với kết quả theo dõi năm 1999 và không có gì biến động lớn.

- *Khả năng chống chịu sâu bệnh:*

Qua theo dõi các giống tham gia khảo nghiệm năm 1999 và năm 2000 đều bị nhiễm sâu cuốn lá, sâu đục thân ở thời kỳ đẻ nhánh và thời kỳ làm đồng nhưng không gây hại nhiều. Tuy nhiên, các giống lúa không bị ảnh hưởng và nhiễm bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá đây là ưu điểm vượt trội so với giống đối chứng.

- *Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất thực thu:*

+ Các yếu tố cấu thành năng suất: Kết quả theo dõi cho thấy các yếu tố cấu thành năng suất của các giống lúa ở cả hai vụ khảo nghiệm (năm 2000) như số bông/m<sup>2</sup>, số hạt chắc trên bông và tỷ lệ hạt lép đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra và thấp hơn so với giống đối chứng.

+ Năng suất thực thu: Tại các điểm khảo nghiệm năng suất của các giống có sự thay đổi, năng suất ở các điểm như Thị xã Bắc Kạn, Bạch Thông, Chợ Mới lại cao hơn ở Na Rì và Ba Bể. Trong đó có 2 giống có năng suất ổn định có thể mở rộng diện tích là giống BM9820 và DH85 (hai giống này cho năng suất cao hơn giống đối chứng từ 6,2 tạ/ha đến 8,7 tạ/ha).

## **5.2. Kết quả nghiên cứu đặc điểm, chỉ tiêu sinh lý của các giống tham gia khảo nghiệm:**

- *Kết quả năm 1999:*

+ Khả năng chống đổ: Qua theo dõi nhìn chung các giống đưa vào khảo nghiệm đều thuộc dạng cứng cây, khả năng chống đổ tốt.

+ Khả năng chống rét: Đặc điểm ở vụ xuân khí hậu thường rét đậm ở thời kỳ đầu vụ đây là giai đoạn mạ chịu ảnh hưởng lớn nhất ở tất cả các giống lúa. Tuy nhiên, đối với các giống lúa đề tài đưa vào khảo nghiệm đều chịu rét tốt và khả năng phục hồi nhanh.

- *Kết quả năm 2000:*

+ Chiều cao cây: Đặc tính này của các giống tương đối ổn định không biến đổi nhiều trong các năm mà chỉ thấy biến đổi trên từng chân ruộng khảo nghiệm. Các giống đều thuộc loại hình thấp cây từ 91cm đến 117cm, dảnh to, thân cứng khả năng chống đổ tốt.

### **5.3. Xác định những giống có triển vọng:**

- Đối với vụ xuân năm 1999:

Giống DH85 có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất bình quân vượt giống đối chứng 112,2. Giống KC90 có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao hơn giống đối chứng 104,7%.

- Đối với vụ mùa năm 1999: Chọn được 02 giống cho năng suất cao nhất là BM9820 và DH85.

- Kết quả xác định giống có triển vọng năm 2000:

Chọn được 02 giống cho năng suất cao hơn giống đối chứng và có tiềm năng suất lớn là giống BM9820, DH85.

**6. Thời gian bắt đầu và kết thúc: 1999 - 2000.**

**7. Kinh phí thực hiện:**